PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

Định danh của sản phẩm

Chất hoặc hỗn hợp tên : **CỨNG PU FD TOP 1406**
Số CAS : Not available
Cách sử dụng của hóa chất/hỗn hợp : Chất xúc tác đóng rắn màng sơn

Thông tin về nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất

Nhà cung cấp : Công ty TNHH SX- TM Hóa Keo Bình Thạnh
Địa chỉ : Tổ 4, Khu phố Bình Phước B, Phường An Phú , Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 0274 3789 99(1-7)
E-Mail : lab@btchem.com.vn
Số điện thoại khẩn cấp : 02743789993

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm :

Chất lỏng dễ cháy	: Cấp 3
Ăn mòn/ kích ứng Da	: Cấp 2
Kích ứng mắt	: Cấp 2A
Độc cấp tính hô hấp	: Cấp 3
Độc tính Đối với môi trường thủy sinh	: Cấp 2

Các thành phần của nhãn

Hình đồ cảnh báo:




Cảnh báo nguy cơ :

H226 : Chất lỏng dễ cháy
H302 : Có thể có hại khi nuốt phải
H315 : Gây kích ứng da nhẹ
H319 : Gây kích ứng mắt.
H411 : Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa :

P102: Để xa tầm với của trẻ em
P103: Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng
P210: Tránh xa nhiệt/bề mặt nóng/tia lửa /ngọn lửa trần.Không hút thuốc
P233: Giữ dụng cụ đựng thật kín.
P241: Sử dụng thiết bị điện/thông khí/chiếu sáng/…/chống nổ
P260: Không hít hơi/bụi xịt/khí
P270: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang pha chế, sử dụng sản phẩm này.
P273: Tránh làm đổ, phóng thích ra môi trường bên ngoài.
P280: Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/phương tiện bảo vệ mặt.

P284 : Phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp (đeo khẩu trang chuyên dụng khi tiếp xúc với sản phẩm này)

Phản ứng :

P302+P352 : NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước

P304+P340 : NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở

P332+P313 :Nếu bị kích ứng da: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc.

P362+P364 :Cởi bỏ quần áo bị nhiễm và đem giặt sạch trước khi sử dụng lại

P370+P378 : Trong trường hợp cháy: Sử dụng bột cacbon dioxyt(CO_2) để chữa cháy

P391 : Thu gom chất thải tràn đổ.

Lưu trữ :

P403+P235 : Bảo quản nơi thông khí tốt.Giữ mát.

P 405 : Đóng chặt thùng chứa sản phẩm trước và sau khi sử dụng.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Thành phần	*Chỉ số CAS*	*% khối lượng*
Polyisocyanate	NDA	40-70
Mixture solvent	141-78-6 123-86-4	30-60

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Các biện pháp sơ cứu sau khi tiếp xúc với mắt:

Nếu vào mắt: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu đau, chớp mắt hoặc đỏ vẫn tiếp diễn.Rửa ngay bằng nhiều nước.

Các biện pháp sơ cứu sau khi tiếp xúc với da:

Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Tìm kiếm sự tư vấn/chăm sóc y tế. Điều trị cụ thể (xem hướng dẫn sơ cứu bổ sung trên nhãn này). Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

Các biện pháp sơ cứu sau khi hít phải:

Khi các triệu chứng xuất hiện: ra ngoài trời và thông gió cho khu vực nghi ngờ

Uống phải

Không gây nôn. Nếu nôn tự phát, hãy giữ đầu thấp hơn hông để tránh hít phải. Chuyển đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Chất chữa cháy

Chất cháy thích hợp : cát khô, Khí CO_2, bọt chửa cháy, bột khô chữa cháy.

Chất chữa cháy không thích hợp : xịt nước mạnh

Các hiểm họa đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Các sản phẩm cháy nguy hiểm : Cacbon dioxyt (CO_2) Cacbon monoxyt Các sản phẩm nhiệt phân, độc

Hướng dẫn cho nhân viên chữa cháy

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy: Sử dụng thiết bị thở phù hợp. trang phục bảo hộ. Ủng cao su, găng tay cao su

Thông tin thêm:

Sử dụng nước xịt mạnh để bảo vệ cho người và làm nguội các thùng đựng đang trong tình trạng nguy hiểm. Di chuyển dụng cụ đựng chưa bị hư hỏng ra khỏi khu vực có hiểm họa ngay lập tức nếu có thể thực hiện được an toàn.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp
Đối với nhân viên không phải là người khẩn cấp
Thiết bị bảo vệ: Về thiết bị bảo vệ cá nhân cần sử dụng, hãy xem mục 8. Mặc quần áo bảo hộ và găng tay phù hợp.
Quy trình khẩn cấp: Thấm bằng vật liệu thấm trơ (ví dụ như cát, mùn cưa, chất kết dính đa năng, silica gel).
Các biện pháp trong trường hợp phát tán bụi: Không áp dụng.
Đối với người ứng phó khẩn cấp
Thiết bị bảo vệ: Trang bị cho đội dọn dẹp đồ bảo hộ thích hợp.
Quy trình khẩn cấp: Dọn sạch mọi vết đổ càng sớm càng tốt, sử dụng vật liệu thấm để thu gom.
Các biện pháp phòng ngừa về môi trường
Tránh thải ra môi trường.
Phương pháp và vật liệu để chứa và dọn dẹp
Phương pháp dọn dẹp: Dọn sạch mọi vết đổ càng sớm càng tốt, sử dụng vật liệu thấm để thu gom. Thu gom tất cả rác thải vào thùng chứa phù hợp và có dán nhãn và xử lý theo luật pháp địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn
Các mối nguy hiểm bổ sung khi xử lý: Sản phẩm dễ cháy.
Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn: Tránh hít phải bụi/khói/khí/sương mù/hơi/phun.
Các biện pháp vệ sinh: Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.
Các điều kiện để bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào
Các biện pháp kỹ thuật: Tuân thủ các quy định hiện hành
Điều kiện bảo quản: Bảo quản trong thùng chứa ban đầu. Đậy kín thùng chứa khi không sử dụng. Bảo quản ở nơi khô ráo, tốt
Các sản phẩm không tương thích: Các bazơ mạnh. Các axit mạnh.
Các vật liệu không tương thích: Nguồn gây cháy. Ánh sáng mặt trời trực tiếp.
Nguồn nhiệt và nguồn gây cháy: Không có ngọn lửa, không có tia lửa. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy.
Cấm lưu trữ hỗn hợp: Chất oxy hóa.
Khu vực lưu trữ: Bảo quản xa nguồn nhiệt. Sàn nhà phải không thấm nước, chống chất lỏng và dễ vệ sinh.
Các quy tắc đặc biệt về bao bì: Chỉ bảo quản trong thùng chứa ban đầu.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thiết bị bảo vệ cá nhân: Tránh mọi sự tiếp xúc không cần thiết.
Vật liệu làm quần áo bảo hộ: Tách quần áo làm việc khỏi quần áo thường ngày. Giặt riêng
Bảo vệ tay: găng tay bảo vệ
Bảo vệ mắt: Chỉ cần bảo vệ mắt khi chất lỏng có thể bắn hoặc phun
Bảo vệ da và cơ thể: Xả sạch và sau đó rửa sạch da bằng nước và xà phòng
Bảo vệ hô hấp: Tránh tạo sương mù trong không khí. Nếu xử lý vật liệu này ở nhiệt độ cao hoặc trong điều kiện tạo sương mù, nên sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp được phê duyệt
Thông tin khác: Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý	dung dịch lỏng
Màu sắc	Không màu
Mùi đặc trưng	hăng
Độ pH	không có dữ liệu
Điểm nóng chảy	không có dữ liệu
điểm đóng băng	không có dữ liệu
Điểm sôi	không có dữ liệu
Tính dễ cháy	không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	không có dữ liệu
Khả năng cháy	không có dữ liệu
Áp suất hơi	không có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	không có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	không có dữ liệu
Độ hòa tan	không có dữ liệu
Độ nhớt	không có dữ liệu
Các tính chất nổ	không có dữ liệu
Các tính chất oxy hóa	không có dữ liệu
Giới hạn nổ	không có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Độ ổn định:Ổn định trong điều kiện bình thường (nhiệt độ phòng) và lưu trữ được khuyến nghị (tham khảo Mục 7).
Điều kiện cần tránh:Tránh nhiệt và ngọn lửa trần.
Vật liệu cần tránh:Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa mạnh, kiềm mạnh và axit mạnh.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:Một hỗn hợp phức tạp gồm các chất rắn, chất lỏng và khí trong không khí, bao gồm carbon monoxide, carbon dioxide và các hợp chất hữu cơ khác sẽ được giải phóng khi vật liệu này trải qua quá trình đốt cháy hoặc phân hủy nhiệt hoặc oxy hóa

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc cấp tính Miệng : Không phân loại
Độc cấp tính Da : Không phân loại
Độc cấp tính hô hấp (Khí) : Không phân loại
Ăn mòn/kích ứng da : Không có dữ liệu
Tổn thương mắt nghiêm trọng/ kích ứng mắt : Không có dữ liệu
Tác nhân nhạy hô hấp : Không có dữ liệu
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại : Tình trạng phơi bày và kéo dài nồng độ cao của hơi một số dung môi hydrocarbon sẽ gây ảnh hưởng có hại đến sức khỏe như gây rát màng nhày, hệ hô hấp, hệ thần kinh trung ương. Các dung môi này cũng có thể gây ra một số ảnh hưởng trên bằng cách hấp thụ qua da.

Các triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học, và độc tính

Trong trường hợp ăn phải : Không có dữ liệu
Trong trường hợp bị tiếp xúc với da :Có thể gây bỏng ,rát và mất chất nhờn trên da.
Trong trường hợp hít : Hít phải gây tác dụng mê/say

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh:
Nguồn nước: Được coi là độc hại cho nguồn nước thậm chí chỉ với một lượng nhỏ
Sinh vật sống trong nước : Được coi là độc hại
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh:
Nguồn nước: Được coi là độc hại cho nguồn nước thậm chí chỉ với một lượng nhỏ
Sinh vật sống trong nước : Được coi là độc hại
Ảnh hưởng đến tầng Ozôn. :không có dữ liệu
Thông tin thêm về độc tính sinh thái: không có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Luật pháp khu vực (rác thải): Việc xử lý phải được thực hiện theo các quy định chính thức.
Phương pháp xử lý rác thải: Tái chế được ưu tiên hơn là xử lý hoặc đốt. Không đổ vào cống rãnh, hãy xử lý vật liệu này và thùng chứa của nó tại điểm thu gom chất thải nguy hại hoặc đặc biệt. Thu gom chất lỏng tràn vào vật liệu thấm hút, ví dụ: cát/đất.
Khuyến nghị xử lý chất thải: Xử lý nội dung/thùng chứa để ..
Sinh thái - vật liệu thải: Nên thu gom các thùng chứa rỗng để tái chế, thu hồi hoặc xử lý theo quy định của địa phương.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Số hiệu UN

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	1263
Tàu thủy nội địa (ADN)	1263
Vận chuyển đường biển (IMDG)	1263
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	1263

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	Paint or Paint related material
Tàu thủy nội địa (ADN)	Paint or Paint related material
Vận chuyển đường biển (IMDG)	Paint or Paint related material
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	Paint or Paint related material

Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	3
Tàu thủy nội địa (ADN)	3
Vận chuyển đường biển (IMDG)	3
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	3

Nhóm đóng gói

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	III
Tàu thủy nội địa (ADN)	III
Vận chuyển đường biển (IMDG)	III
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	III

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Tình trạng khai báo, đăng ký :
• Quy định của EU
Không chứa chất REACH với các hạn chế của Phụ lục XVII
Không chứa chất trong danh sách ứng cử viên REACH
Không chứa chất REACH Phụ lục XIV
• Quy định quốc gia

Không có thông tin bổ sung có sẵn
Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:
Sản phẩm không chứa các chất độc hại như: kim loại nặng độc hại, formaldehyde tự do, hợp chất azo, hợp chất phthalates, benzen, … thỏa mãn theo tiêu chuẩn REACH, EN.71-3 (Châu Âu) và CPSIA, ASTM (Mỹ).

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày chuẩn bị: 07/11/2026
Nguồn dữ liệu :
"
Thông tin trên mô tả độc quyền các yêu cầu về an toàn của sản phẩm và dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin này nhằm cung cấp cho bạn lời khuyên v èviệc xử lý an toàn sản phẩm có tên trong bảng dữ liệu an toàn, để lưu trữ, chế biến, vận chuyển và xử lý.
Không thể chuyển thông tin đến các sản phẩm khác. Trong trường hợp trộn sản phẩm với các sản phẩm khác hoặc trong trường hợp chế biến, thông tin trong bảng dữ liệu an toàn này không nhất thiết phải có giá trị đối với vật liệu mới."